

Nhật ký Dharamsala

Phần 1: Về tu viện Sera Mey

Lời tác giả:

Đây là một cuốn nhật ký, ghi chép cuộc hành trình đi về Ấn độ để học đạo. Tác giả nhân khi chùa Văn Thủ Sư Lợi tổ chức chuyến đi hành hương các Phật tích tại Ấn, đã tháp tùng theo, nhưng không phải để theo phái đoàn đi hành hương mà là để đi về Dharamsala, nơi trú ngụ của đức Đạt Lai Lạt Ma hiện giờ để tu học.

*Nhật ký không những ghi chép lại cuộc hành trình mà còn ghi lại những cảm tưởng của tác giả, những điều mắt thấy tai nghe trên đường đi...
"Đi một ngày đàng học một sàng khôn..."*

Vì là một Nhật ký, mà muốn viết một Nhật ký cho hay thì khá khó, bởi vì đã là Nhật ký thì phải là: "Có sao nói vậy....và thấy sao chép lại y như vậy...". Kể chuyện thực... cho nên khó có tình tiết ly kỳ, đọc để thấy.... nhằm chán.

Nhưng mà ghi lại để "ôn cố tri tân", cuộc đời, đôi khi có những ngã rẽ bất ngờ, hai mươi năm sau, nhìn lại, thấy tất cả như một giấc mơ.... chỉ còn cái tình..., thí dụ như tình thầy trò.

Và nhất là phải ghi ngay lại khi trí óc còn mới, còn sống động trong sự việc... để lâu ngày thì e rằng sẽ như bài hát "Phôi pha" của Trịnh Công Sơn.

Âu cũng là nhân duyên và nghiệp quả...của tác giả.

Bài viết Nhật ký, khó mà tránh khỏi sự trình bày những cảm nghĩ riêng tư của tác giả, vậy cho nên xin các độc giả châm chước cho những điều sai lệch trong bài.

*Trân trọng,
Không Quán.*

1. Cảm nghĩ trước khi đi

Thực tình mà nói, tôi đã cố tình đi tìm về chuyến đi học đạo này. Bởi vì tôi đã cảm thấy một sự chín mùi trong tâm thức nhằm chán đời sống thế gian, nhằm chán những chuyện thế sự thăng trầm. Tôi vẫn thường đọc thầm trong đầu bài thơ Ngán đời của Cao Bá Quát, và trong lòng chỉ muốn rút lui ra khỏi chuyện thế sự ta bà.

Ngán đời

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn (1)
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu
Đem mộng sự đọ với chân thân thì cũng hết
Duy giang thượng chi thanh phong,
dữ sơn gian chi minh nguyệt (2)
Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng
Cuộc vương tròn phó mặc khuôn thiên
Kẻ thành thị kẻ vui miền lâm tảo (3)
Gõ nhịp lấy, đọc câu "Tương Tiến Tửu" (4)
"Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai,
bôn lưu đảo hải bất phục hồi" (5)
Làm chi cho mệt một đời!
Cao Bá Quát*

Chú thích

- (1) Hai câu thơ chữ Hán này nghĩa là: Việc đời thăng trầm, bạn đừng hỏi làm gì. Hãy nhìn ra ngoài khơi khơi sóng xa thăm kia, chỉ thấy chiếc thuyền ngư phủ.
(2) Hai câu này trích từ bài phú Tiên Xích Bích của Tô Đông Pha, nghĩa là: chỉ còn có gió mát ở trên sông, cùng trăng sáng trong động núi.
(3) Lâm tảo: rừng và nội cỏ.
(4) Nhan đề của một bài ca của Lý Bạch, nghĩa là Mời Uống Rượu.
(5) Bạn có thấy nước sông Hoàng Hà, từ trên trời chảy tuôn xuống biển không hề quay trở lại. Ý nói đời người, thời gian qua đi thì không trở lại. Đó là câu đầu của bài Tương tiến tửu.

Đã từ mấy năm nay, tôi chủ trương sống cuộc đời ẩn dật, rút lui khỏi chuyện thế sự. Đối với bao nhiêu bạn bè, tôi đều từ chối tham gia những buổi họp mặt vui chơi. Chỉ trừ khi bạn bè yêu cầu tham dự các buổi trình diễn giúp vui cho cộng đồng, hoặc những hoạt động từ thiện tôi mới tham dự.

Một lần, một ông bạn già trong nhóm tam ca mà tôi là thành viên tha thiết mời tôi tham dự đám cưới của con trai ông ta, tôi từ chối và không đi. Ông bạn nói: *để mai một con gái anh làm đám cưới chúng tôi còn đi chung vui với anh.* Tôi cười nói: *nếu cháu có làm đám cưới thì tôi cũng chẳng biết là sẽ*

có được phép mời các bạn bè không. Hay là chúng nó chỉ ra Tòa thị sảnh ký tên và đi hưởng tuần trăng mật riêng của hai đứa là xong, chẳng chắc là chính tôi có sẽ được mời đi ăn cưới hay không nữa. Cho nên xin anh đừng buồn và chấp làm gì. Ông bạn tôi không còn ý kiến gì nữa.

Một lần, một người bạn khác bảo tôi: *Tôi thành thật khuyên anh đừng sống quá lập dị và không giống ai.* Tôi chỉ cười.

Trong thâm tâm, tôi chán ngán những buổi xã giao và tiệc tùng, nhất là đám cưới, đôi khi ngồi tại một bàn ăn chẳng quen thân gì những người cùng bàn, phải cười nói vồ tay, tôi cảm thấy quá mất thì giờ và ngán ngẩm. Tôi thích trầm lặng ngồi viết vài ba câu thơ hay là một đoạn văn, hoặc vào phòng thờ tụng kinh, tọa thiền hơn rất nhiều những xã giao bon chen trong sự giao tiếp của đời sống. Phải ngồi chịu trận nghe những lời khoe khoang kín đáo về gia đình con cái hay thương mại thành đạt... Ngày xưa, khi tôi còn tham dự những buổi tiệc ấy, thường là chấm dứt rất khuya, mỗi lần đi là mỗi lần tôi về nhà dẫn vật mình với câu hỏi: *ta đã làm gì cho đời ta, đánh mất chính mình trong những ta bà thị phi của thế sự?* Cho đến khi tôi phải nói một lời xin lỗi với các bạn bè, xin đừng mời tôi tham dự vì không thấy thích hợp.

Lâu dần bạn bè không còn thấy lạ và để tôi yên trong những trầm tư riêng của mình về cuộc đời. Từ đó, tôi xa lánh dần chuyện thế sự.

Dĩ nhiên là tôi cảm thấy sung sướng trong cuộc sống rút lui ấy. Thì giờ, tôi để hết vào việc hành trì và viết sách Phật hoặc dịch kinh Phật, cũng như làm thơ đạo. Tôi chủ trương thuần túy là văn dĩ tải đạo. Và nếu tôi không được học đạo thì có lẽ tôi chẳng sáng tác được gì. Vì tất cả các nguồn cảm hứng của tôi đều đến từ những suy tư và thiền quán về đạo.

Nhưng vào cuối năm 2007, chùa nơi tôi đến hành trì tổ chức một chuyến đi hành hương các thánh tích của Phật giáo. Tôi chưa được đi đến những nơi đó bao giờ và đương nhiên là tôi rất thích đi. Nhưng khi chương trình đi hành hương được in ra thì tôi hơi ôi cảm thấy thất vọng: vì lý do là giá của chuyến đi hành hương quá cao với tôi. Ước lượng sơ khởi của chuyến đi là 5000\$ chưa kể vé máy bay từ Bắc Mỹ về Ấn độ. Ngày đó, khi đọc tờ chương trình và ước định giá, tôi trầm nghĩ, giá như số tiền này dành để cúng dường Đức Đạt Lai Lạt Ma, để ngài dùng trong việc đào tạo chư tăng, hoặc là cúng dường chư tăng để dùng trong việc kiệt hạ¹ mỗi năm tại Bồ Đề Đạo Tràng. Rồi sau mấy ngày suy tư mà không quyết định được gì cả, tôi bèn liên lạc với vị bổn sư và thưa với ngài về nỗi băn khoăn của tôi. Ngài cười ha hả trong điện thoại vào bảo tôi rằng: *"được, con hãy theo ta về cúng dường chư tăng tại Dharamsala trong kỳ thuyết pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma và nhân tiện ở lại Dharamsala học đạo luôn trong một tháng"*. Và nhất là khi ngài nói thêm:

¹ Tạng ngữ gọi là Monlam Chen Mo.

"kỳ này ta sẽ dẫn con về Dharamsala như là một tăng sĩ". Bởi vì tôi mang trong người một chứng bệnh trầm kha là bệnh vảy nến², bệnh di truyền từ cha tôi, người cũng đã từng mắc bệnh này khi còn trẻ. Bệnh của tôi nặng lắm và không có thuốc gì chữa được. Nhà thương phải gửi tôi vào một trung tâm Nghiên cứu chữa bệnh bằng tia cực tím³, cho nên tôi đã phải cạo đầu từ 4 tháng nay để chiếu tia cực tím trên toàn châu thân chữa bệnh, và vì vậy, thầy bổn sư đã thấy tôi giống như là một tăng sĩ.

Trời đất, tôi thầm nghĩ, được theo vị bổn sư đi về nơi đất thánh Dharamsala, nơi thiết lập của chính phủ ly hương Tây tạng, nơi trú ngụ của Đức Đạt Lai Lạt Ma và được học đạo, và nhất là sẽ theo thầy về như là một tăng sĩ, còn ước nguyện nào bằng. Tôi hoan hỷ đi mua vé máy bay sửa soạn theo ngài về vùng đất thánh Dharamsala.

Ngày lên máy bay, tôi cảm thấy nao nao trong dạ. Tôi ôm ấp trong tâm một cái cảm giác của một thiếu nữ từ giã gia đình, xuất giá tòng phu lên xe hoa về nhà chồng, hay đúng hơn tôi mang cái cảm giác của một người sắp sửa xuất gia, xuống tóc để vào trong chùa làm tỳ kheo. Cái cảm giác nao nao trong dạ, mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rất rõ.

Để tránh phiền nhiễu ở nơi đất lạ, chương trình của tôi là đi theo phái đoàn hành hương về tu viện Sera Mey, nơi vị bổn sư của tôi làm viện trưởng và từ đó sẽ theo ngài để đi về Dharamsala học đạo, chứ không đi theo phái đoàn đi hành hương. Tiền tiết kiệm được nhờ không đi hành hương, tôi sẽ nhờ vị bổn sư mang về cúng dường Đức Đạt Lai Lạt Ma, hoặc là cúng dường chư tăng an cư kiết hạ tại Dharamsala.

Máy bay hạ cánh tại phi trường Bangalore lúc 1.50 rạng ngày 12 tháng 2, 2008. Khi lấy được hành lý và chờ tất cả mọi người đến đầy đủ thì đã gần 3 giờ sáng và phái đoàn đi về khách sạn nghỉ ngơi tại Bangalore để đến chiều hôm đó, thuê xe buýt đi về tu viện Sera Mey.

Tại Bangalore, hai thầy geshe Chopel và Phuntsok dẫn chúng tôi đi đổi tiền. Khi đi ngang các đường phố chính của Bangalore, cũng như đi ngang khách sạn và quán ăn quen thuộc trong lần ghé về tu viện Sera Mey năm 2002 để dự lễ khánh thành Đại Hùng Bảo Điện mới, và được thầy đương kim viện trưởng⁴ Lobsang Jamyang dẫn đi chơi tại Bangalore, tim tôi cảm thấy thật là bồi hồi và nghe tim thắt lại. Mới đây mà đã 6 năm qua đi. Tôi bây giờ đã thay đổi hình dạng rất nhiều so với 6 năm trước vì mắc bệnh "Tự thể miễn dịch tính" (auto-immune disease). Nhưng đường xá và khách sạn tôi đến ở lần trước chung với thầy viện trưởng còn y nguyên, lòng cảm khái dâng trào trong tâm vì cảm nhận sự chóng vánh vô thường của đời người. Điều thật lạ

² Psoriasis.

³ UVB treatment.

⁴ Chư đương kim viện trưởng Tạng ngữ là Khen Rinpoche.

lùng là lần năm 2002 đó, tôi đã mắc bệnh nan y này rất nặng mà không biết, nhưng trong suốt thời gian đi thăm tu viện Sera Mey, tu viện Ganden va Drepung, bệnh hoàn toàn không hề phát tác. Cho đến ngày tôi bước chân xuống may bay về đến nhà, và hôm sau thì bệnh phát tác ngay lập tức, làm tôi ngã quỵ trên chuyến xe buýt trên đường đi làm và phải đưa cấp tốc vào nhà thương chữa trị. Thế mới biết là thần lực hộ trì của Tam Bảo không phải là chuyện nhỏ.

Chuyến xe buýt khởi hành sau bữa ăn trưa và mãi đến 7 giờ tối mới đến thành phố gần tu viện Sera gọi là Kushinagar. Vì luật của tu viện không cho phép phụ nữ trú ngụ lại ban đêm cho nên phái đoàn thuê khách sạn cho các vị phụ nữ tại Kushinagar, và sau đó cùng nhau vào tu viện thăm thầy viện trưởng. Ba người đàn ông trong phái đoàn trong đó có tôi sẽ được phép ngủ lại tu viện trong các phòng của khu nhà Chungpa.

Thầy viện trưởng tiếp đãi chúng tôi thật là nồng hậu. Sau phần trao khăn trắng (khata) ban phép lành, chúng tôi được dùng bữa cơm tối thật ngon miệng với ngài. Thầy dặn dò chúng tôi đủ mọi điều, và sau đó phái nam được cho phòng nghỉ ngơi, còn các phụ nữ thì phải quay trở lại khách sạn tại Kushinagar để ngủ qua đêm.

2. Ngày 13 tháng 2, 2008

Sau một đêm ngủ và nghỉ ngơi thật thoải mái, hôm sau, tôi thiền tọa vào sáng sớm và cảm nhận thật rõ ràng sự gia hộ của giòng chư tổ truyền thống Giới đức⁵. Ngồi thiền tại Sera Mey thật là an lạc trong sự hộ trì, được cảm nhận từ tầng lớp sâu thẳm của tâm thức: niềm hỷ lạc thật là sâu đậm và nhẹ nhàng, tâm thức an bình trong thiền duyệt⁶, lìa xa thế sự, thị phi của cuộc đời. Thời tiết thật dễ chịu, tuy hơi lạnh lạnh vào sáng sớm, nhưng vẫn còn khá ấm áp.

⁵ Gelugpa – Hoàng mạo phái, do Đức Đạt Lai Lạt Ma lãnh đạo.

⁶ Là niềm vui sướng của thiền định.



Hình 1: Đại Hùng Bảo Điện Sera Mey (New Prayer Hall) mới được khánh thành năm 2002.

Tu viện Sera được chia làm hai phần: Sera Mey khoảng 2000 tăng và Sera Je khoảng 2500 tăng. Điều huyền diệu nhất là chu vi tu viện Sera (Mey và Je) bao gồm khoảng vài ba cây số vuông. Trong đó có tổng cộng 4500 nam tăng sĩ ở rải rác trong các căn nhà⁷ lớn nhỏ. Khi ra đường những ngày lễ lớn, chúng ta sẽ thấy 4500 vị tăng sĩ tụ hợp về chánh điện để làm lễ. Toàn một màu áo tu đỏ tràn ngập đường xá mà không hề có một bóng dáng một ông cảnh sát đeo dùi cui, súng ống nào cả. Cảnh tượng những con đường tràn ngập áo tu màu đỏ đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi. Không hề có chuyện tranh chấp đánh nhau hay cãi nhau. Chư tăng sống rất an hòa và dễ thương, hiếu khách. Nhưng chưa kịp xả cử thiên tọa buổi sáng thì chư vị phái nữ trong phái đoàn đã quay trở lại tu viện và cười nói vui vẻ ồn ào. Chúng tôi dùng bữa ăn sáng xong là đi đến Đại Hùng Bảo Điện ngay vào lúc 8 giờ sáng để dâng lễ trường thọ cho thầy cựu viện trưởng Ngawang Thetchok. Ngài là thầy của thầy đương kim viện trưởng. Trong buổi lễ, chư tăng và chúng tôi cầu nguyện Lễ cúng dường đức Bổn Sư⁸. Buổi lễ thật là cảm động và sau đó chúng tôi lên dâng khăn và cúng dường thầy cựu viện trưởng. Ngài nhận ra phái đoàn chúng tôi và rất là hoan hỷ.

Thầy cựu viện trưởng Ngawang Thetchok là một vị cao tăng hiếm có. Ngài là

⁷ Nhà lớn tiếng Tạng ngữ gọi là Khangtsen, nhà nhỏ gọi là Labrang.

⁸ Guru Pujā (bản dịch của người viết Nhật ký dưới pháp danh là Chân Giác và Diệu Hạnh Giao Trinh).

một tăng sĩ nghiêm túc, và với tôi, ngài là một thần tăng. Người Đài Loan biết rất nhiều câu chuyện kể lại về những thần thông của ngài. Ngài có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc đối với người Đài Loan, trong khi thầy đương kim viện trưởng lại có ảnh hưởng sâu sắc và mạnh mẽ đối với cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ, kể cả Canada, và nhất là vùng Orange County và San Jose tại California.



Hình 2: Chư tăng ra về sau buổi lễ cúng dường (tay còn cầm lộc Phật).

Tôi ngời nhớ lại câu chuyện kỳ lạ sau: năm 2003, tôi có qua Wesminter, vùng Orange County sửa chữa và xây cất cho thầy đương kim viện trưởng ngôi chùa tên là Geden Shoeling⁹. Chùa hoàn tất theo ý thầy hai tháng sau đó. Nhờ thế, tôi quen nhiều bạn đạo ở tại đó và thường liên lạc với nhau khi có tin tức gì, hay là giúp họ dịch kinh sách v.v...Một hôm, tôi nhận được điện thư của một vị bạn đạo kể chuyện lạ. Chuyện này cũng xảy ra mới đây vào tháng 11 năm 2007 thôi. Lá thư như sau:

Sáng nay em đi nghe Khen Rinpoche¹⁰ thuyết pháp về Bát Nhã Tâm Kinh. Thầy giảng rất hay và rất kỹ. Vẫn theo thường lệ, sau buổi giảng thì mọi người lên dâng khăn, cúng dường và thọ phép lành của thầy. Em cũng nối đuôi để lên dâng khăn. Đến lượt một chị Phật tử kia, (chị

⁹ Chùa này dịch tên nghĩa là Vùng Đất Tịnh Lạc – tên do Đức Đạt Lai Lạt Ma đặt cho.

¹⁰ Là thầy đương kim viện trưởng.

này, thỉnh thoảng em cũng thấy chị tham dự buổi thính pháp một vài lần, trông cũng khá lớn tuổi, mắt, mũi sửa chữa tùm lum nên trông không được tự nhiên cho lắm). Khi chị lên dâng khăn và thày ôm lấy đầu chị để ban phép lành hộ trì thì chị bật khóc. Người run lên bần bật, chị loạng choạng bước né qua một bên để nhường cho người khác lên dâng khăn. Nhưng chị vẫn khóc, gần như là đi không muốn nổi nữa. Mọi người phải dìu chị đi xuống cuối phòng. Mọi người cứ nghe chị nói làm nhảm cái gì không rõ và cứ khóc mãi. Sau khi người cuối cùng lên dâng khăn, cúng dường, thì thày ra lệnh (trông lúc đó mặt thày nghiêm làm em sợ lắm). Thày bảo đem cái chị kia lên đây. Chị đó run tới quỵ cả chân, phải 2 người dìu hai bên chị mới đi nổi, vừa đi, vừa khóc, vừa làm nhảm eo éo nói gì đó mà không ai nghe rõ. Lên chỗ thày, chị không còn quỳ được nữa mà ngồi phệt xuống đất, người cứ run lên bần bật, ré lên khóc rõ to. Thày Khen Rinpoche và thày Norbu bắt đầu tụng kinh gì đó mà em không biết. Tụng rất to, em có cảm tưởng từng câu tụng là từng cơn bão có lực rất mạnh hất vào người chị... Tụng khoảng 5 phút thì cả hai thày đều vỗ hai bàn tay vào nhau mấy cái. Chị kia hét lên một tiếng rồi ngã ngửa lên sàn. Hai tay chị dơ lên khỏi đầu. Chị hỗn hển nói "Nam mô A Di Đà Phật" rồi khóc rức lên. Lần này em nghe tiếng nói của chị khác với cái tiếng nói trước khi chị bị ngã. Xong thày Khen Rinpoche tụng thêm một ít nữa rồi đứng lên lấy tấm áo choàng màu vàng của mình quất lên người chị kia mấy cái và nói lớn "NO TALK!!" "STOP!".

Tất cả mọi người trong chánh điện đều vẫn tiếp tục niệm câu bát nhã tâm kinh: "Tayatha, Gate, Gate..." trong khi Khen Rinpoche bước ra khỏi chánh điện.

Đây là lần đầu tiên em thấy thày trừ ma. Trông thày nghiêm lắm. Sau đó, em có vào phòng chào thày, Lisa (là người thông dịch ra tiếng Việt) vào sau, hỏi thày, chị kia bị sao thế thày? Chị ấy có ok không? Thày bình tĩnh như không có gì, và bảo, bà ta không sao cả, mọi sự xong rồi. Don't worry. Lisa tò mò hỏi tiếp, có phải bà ta bị ma nhập không? Thày trả lời: Thì đại khái là như vậy, nhưng bây giờ thì không sao cả

Em nghe xong cũng hú hồn!

(Trước khi viết về câu chuyện này, tôi cũng khá đắn đo suy nghĩ nên hay không nên viết ra... Vì bản thân của tôi vốn không thích mê tín. Nhưng vì dù tôi có thích hay không, thì đó cũng là một sự thật đến từ chư vị cao tăng, và viết ra trong ý hướng tỏ lòng kính trọng đến chư vị, một đời hoằng hóa cứu độ chúng sinh, và mình không thể không cảm nhận thấy chư vị làm mọi thứ giúp đời hoằng hóa độ sinh mà không hề có mảy may suy nghĩ, hay cho là

mình có gì đặc biệt hơn người, chức vị làm những kỳ tích xong là xả bỏ ra khỏi tâm, không hề dính mắc).

Đời sống chư tăng trong tu viện khá nghiêm ngặt và chặt chẽ. Trừ những ngày lễ chư tăng được nghỉ ngơi như là Tết Tây tạng (Losar), chư tăng được theo học một chương trình huấn luyện kỹ lưỡng. Sáng thường thức dậy vào lúc 5 giờ và làm vệ sinh cá nhân xong là nghe tiếng kèn lớn, tiếng rất trầm, (Tạng ngữ gọi là Radong) báo hiệu là lúc phải vân tập tại Chánh điện để hành lễ và cầu nguyện (kinh nào thì tùy theo hôm). Sau đó 7 giờ sáng thì dùng điểm tâm cho đến 9 giờ thì chư tăng sẽ tụ họp để luận đạo (debate), đây là lúc mỗi vị sẽ phải mang hết sở trường học đạo của mình để tranh luận và đào sâu đề tài đã học. Cách luận đạo như vậy giúp cho chư tăng nhuần nhuyễn sở học của mình. Sau đó là ăn trưa và nghỉ ngơi đến 2 giờ chiều. Sau đó, chư tăng theo học các lớp học chung hoặc là theo học lớp riêng với vị bổn sư của mình. Sau đó là bữa cơm tối, và từ 9 giờ tối trở đi, chư tăng sẽ tiếp tục họp nhau luận đạo đến 11 giờ tối mới đi ngủ, để sáng hôm sau thức dậy từ 5 giờ sáng tiếp tục một ngày mới trong tu viện. Ngày tôi đến tu viện thì chư tăng vẫn còn trong dịp nghỉ Tết Tây tạng. Nhưng tôi vẫn cố gắng theo thời khóa biểu mà chư tăng thường theo, mong là mình gieo duyên để đời sau được tu học trong dòng truyền thừa. Các bộ môn nằm trong chương trình tu học là luận đạo bao gồm Ngũ Đại Luận¹¹:

1. **Lượng học**: môn học về Biện chứng pháp của Phật giáo và Nhận thức luận, bao gồm cả các luận thuyết ngoại đạo.
2. **Bát nhã ba la mật**: bao gồm các bộ Đại Bát Nhã Luận và các hành trì của Bồ tát đạo (như Lục độ ba la mật).
3. **Trung quán luận và Tánh không**.
4. **A tỳ đàm Câu xá luận**: là bộ luận lớn bao gồm vũ trụ quan, siêu hình học và hiện tượng luận.
5. **Luật**: là những giới luật và kỷ luật trong tu viện.

Trong lần này, phái đoàn người Đài Loan về tham dự khá đông. Trong buổi ăn trưa chung, tôi nhận thấy mỗi người nâng niu cầm trên tay một cuốn sách, họ có vẻ rất là quý cuốn sách. Tôi bập bẹ vài câu tiếng phổ thông và hỏi họ về cuốn sách mới biết ra là họ vừa mới xuất bản cuốn này, viết tiểu sử và cuộc đời của thầy cựu viện trưởng Ngawang Thetchok. Tôi cũng xin họ

¹¹ Ngũ đại luận:

1. **Lượng học**: Pramana, the Buddhist logic and epistemology (valid cognition) including the studies of many non-Buddhist thoughts.
2. **Bát nhã ba la mật**: Prajnaparmitas which include voluminous texts of Bodhisattva practices such as the study of six perfections.
3. **Trung quán luận và Tánh không**: Madhyamika, the study of Buddhist middle views, Sunyatavada. .
4. **A tỳ đàm Câu xá luận**: Abhidharmakosa, the Buddhist metaphysics. Từ ngữ metaphysics (tiếng Hy Lạp, meta=siêu, physics=hình học) bao gồm các phần: 1. vũ trụ luận (cosmology) và 2. Hiện tượng luận (ontology).
5. **Luật**: Vinaya, monastic rules and disciplines.

một cuốn, mặc dù sách viết bằng Tạng ngữ và tôi không hiểu, nhưng vì lòng kính trọng thầy cựu viện trưởng, tôi vẫn xin một cuốn mang về để trên bàn thờ.

Buổi tối sau thời cơm chung, chúng tôi lại chia tay giã từ các vị phụ nữ đi về khách sạn. Còn tôi quay về phòng hành trì thời công phu Tối thượng Du già thiền quán và sau đó đi vào trong giấc ngủ an bình trong sự gia hộ của chư thiên nữ.

3. Ngày 14 tháng 2, 2008

Sáng sớm hôm sau, tôi vẫn theo thường lệ thức dậy từ 6 giờ sáng hành trì. Trong kỳ thiền tọa này, tôi cảm nhận rõ ràng hơn sự gia hộ của giòng Giới đức, đặc biệt là cảm nhận sự gia hộ của chư bốn sư trong tu viện Sera. Tôi thiền quán trong niềm an lạc và ấm áp gần gũi với chư vị bốn sư của tu viện, cảm nhận sự che chở độ trì đến từ chư vị thẳng vào tim mình, làm cho tôi sung sướng trong sự hành trì, yên lòng tinh tấn thiền định và biết chắc chắn là tôi sẽ đi về đâu trong sự hành trì ấy. Xả thiền xong, tôi đi kiểm ly cà phê ngồi nhâm nhi trong buổi sáng tinh sương, chờ các vị trong phái đoàn trở lại ăn sáng. Nhưng ngay lúc trong buổi sáng sớm ấy, tôi nhìn thấy thầy phụ tá viện trưởng Geshe Rabga đi ra ngoài phòng, ngang chỗ tôi ngồi, tôi vội vàng quỳ xuống đánh lễ ngài. Ở tu viện Sera, ngài nổi tiếng là vị tăng sĩ hiền từ nhân hậu, quỳ bên ngài, tôi cảm nhận sự từ bi toát ra từ ngài. Ngài không biết tiếng anh, nên không nói gì, chỉ vỗ vỗ vào đầu và vuốt má tôi. Và sau đó khi ngài quay trở về phòng, tôi vội vã chạy về phòng mình lấy tiền bỏ vào phong bì để cúng dường ngài.

Khi bước ra ngoài thì các vị trong phái đoàn đã đến, chúng tôi sửa soạn ăn sáng. Thầy geshe trưởng phái đoàn thông báo là hôm nay phái đoàn sẽ đi tham quan hai tu viện Sera Mey và Je. Vì tôi đã đi thăm cả hai tu viện rất kỹ năm 2002, nên tôi thưa với thầy xin được nghỉ ngơi một hôm, nhưng cốt là để có thì giờ đến phòng thầy phụ tá viện trưởng cúng dường và sau đó đến vấn an thầy viện trưởng.

Trong chuyến đi này, tôi có mang theo một bức họa thangka vẽ hình Phật Dược Sư mà một anh trong phái đoàn khi còn ở Montreal đã tặng cho tôi năm ngoái. Anh kể lại là trong chuyến đi chơi Thượng Hải, anh đã gặp một người Trung hoa ở tại đó bám lấy anh và dụ anh mua bức họa này. Anh không cảm lòng được và đã mua mang về tặng cho tôi bởi vì anh nói là tôi xứng đáng giữ bức đó. Lý do, anh nói, là vì tôi đã bỏ một năm trời ra dịch cuốn kinh Lễ cúng dường Phật Dược Sư trong Mật tông. Hồi đó, khi tôi cầm bức họa ấy mang về nhà xem thì tôi bỗng giật mình: bức họa trông rất cổ kính và còn mang các vết khâu kim vì người bán đã cắt ra khỏi bức thangka bằng găm chung quanh. Có vẻ như là người Trung hoa đã ăn cắp bức họa cổ này từ một tu viện Tây tạng, đằng sau bức họa bằng vải ấy còn mang dấu

son đỏ chói của một bàn tay, có lẽ là bàn tay của vị nghệ sĩ đã họa bức ấy và đóng dấu của mình lên trên. Tôi hơi ngại, bèn mang về tu viện Sera nhờ thầy viện trưởng thẩm định giá trị của bức họa. Nếu là bức họa cổ thực sự, có lẽ sẽ phải nhờ thầy dâng cho đức Dalai Lama để trao trả lại cho dân tộc Tây tạng. Còn không thì cũng nhờ thầy cho khâu lại các bờ chung quanh bằng gấm, làm thành một bức thangka nguyên thủy để treo trên chùa.

Sáng hôm đó tôi trình bức họa lên ngài viện trưởng và thầy bảo với tôi đó chỉ là một bức vẽ nhái lại, tuy cổ, nhưng không phải là bức nguyên thủy cho nên ngài sẽ nhờ chư tăng khâu lại bằng gấm chung quanh để mang về Montreal. Tôi cũng mừng là không phải đồ ăn cắp của Tam Bảo.
(còn tiếp phần 2: Cuộc hành trình về Dharamsala)

Không Quán
14 march 2008.

Nhật ký Dharamsala

Phần 2: Cuộc hành trình về Dharamsala

4. Ngày 15 tháng 2, 2008

Hai ngày đã qua đi tại tu viện Sera Mey. Sáng nay tôi tọa thiền và hành trì trong sự an bình nhẹ nhàng. Niềm an vui trong đời sống tu viện và nếp sống xa mọi thị phi trong hai ngày vừa qua đã mang lại cho tôi một sự an ổn rất tĩnh lặng của tâm. Thực là một điều kỳ diệu khi tâm cảm thấy an ổn và được che chở, khi trong lòng thấy rõ những pháp môn và sự hộ trì không đứt đoạn mà chư tổ và chư bổn sư trong truyền thừa ban cho mình, liên tục từ thời Phật Thích ca đản sanh cho đến bây giờ. Vì mình nằm trong dòng liên tục đó, nên tâm rất an bình và sung sướng trong sự hành trì mỗi ngày. Sự quán tưởng sùng kính không thể thiếu sót vào bốn lễ quán đánh của đức Bổn Sư Kim Cang Trì, đức Phật bổn sư của dòng Kim Cang thừa làm cho buổi thiền quán trở thành niềm thích thú say mê vì thấy rõ ràng là ngài ban cho mình một sự hộ trì không gián đoạn...

Hôm nay, tôi tham dự với phái đoàn đi thăm tu viện Zongkar Choede, là một tu viện nhỏ gần Sera Mey, và cũng nhân cơ hội đi thăm Hạ Mật Viện¹² (Gyumed). Năm 2002, tôi đã có dịp đi thăm Zongkar Choede và tham quan những pháp khí cổ của chùa như là tượng Phật Thiên thủ thiên nhãn, tượng Phật Tara nói, tượng Phật Tara đứng, các dấu chân của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm... Những pháp khí này đều được giữ gìn kỹ lưỡng và chỉ mở ra cho các phái đoàn hành hương đến tham bái.

¹² Gyumed : từ ngữ “Gyu” nghĩa là Mật tông, còn “med” nghĩa là ở vùng đất thấp (vị trí chứ không phải là trình độ).
Đổi lại với Gyuto là Thương Mật Viện vì từ ngữ “to” nghĩa là ở trên vùng đất cao.



Hình 3 : Tượng thiên thủ thiên nhân tại tu viện Dzongkar Choede (hình 2002).



Hình 4 : Triển lãm các pháp khí cổ xưa, rất quý của tu viện Dzongkar Choede (hình 2002).

Chuyến đi cũng khá dài. Trên đường đi, tôi nhắm mắt thiền quán. Các vị phụ nữ trong phái đoàn trêu ghẹo tôi, hỏi là sao anh ngủ hoài thế. Tôi cười nói rằng tôi không ngủ, và có nghe biết quý vị, nhưng tôi thường đi vào trong

một tình trạng định trong sự chú tâm, lúc đó tâm rất là an bình sung sướng, trong lòng thấy rất là an lạc.

Những lúc nhắm mắt như thế, tôi như đi vào một vùng sâu thẳm của của tiềm thức và rất an bình sung sướng. Tôi có thể ở trong trạng thái an lạc của thiền định đó rất lâu. Tuy không chú tâm vào chuyện quý vị nói hay vào những chuyện xung quanh mình nhưng tôi vẫn nghe và biết mọi sự.

Các vị đó lại càng trêu tôi, nói là *thiền ngủ hả anh*. Tôi cười nói: *ấy, quý vị cũng biết là một trong Sáu pháp du già của tổ Naropa là pháp môn Thùy Miên Du Già, bất cứ ai đã từng thọ lễ quán đảnh Tối thượng Du Già đều phải hành trì*. Và để tôi kể lại hầu chuyện quý vị về chuyện của Tổ Tịch Thiên (Shantideva) như sau.

Lúc còn ở trong tu viện Nalanda, Tổ thường bị tăng chúng chê cười là suốt ngày chỉ ngủ, ăn và đi nhà cầu. Một hôm tăng chúng muốn mang Tổ ra làm trò cười và mong là sau đó, Tổ vì bị chê cười mà phải tự bỏ ra đi khỏi tu viện. Tăng chúng viện cố mời Tổ lên tòa thuyết pháp. Tổ nhận lời, và không hề biết là họ đã xây một pháp tòa cao khổng lồ, nhưng không có bậc thang nào để cho Tổ bước lên. Hôm đó, họ mời một tăng đoàn đông đảo đến dự và định bụng sẽ làm một trận cười lớn. Khi Tổ đến nơi hội trường và thấy tình cảnh như vậy, Tổ đột nhiên vươn cánh tay, biến thành dài cho đến khi chạm vào tòa ngai và biến tòa trở thành kích thước nhỏ lại bình thường. Tổ lên ngai trên đó thuyết giảng và hỏi: quý vị muốn nghe một bài giảng bình thường, trước đó đã có từng nghe qua, hay là muốn nghe một bài giảng phi thường, trước đó chưa từng nghe bao giờ? Tăng chúng trả lời là muốn bài giảng phi thường, mong rằng Tổ sẽ bị thất bại và phải xấu hổ mà bỏ tu viện ra đi.

Tổ bèn bắt đầu giảng về "Nhập Bồ Tát Hạnh" và khi tăng chúng nghe, họ đều ngạc nhiên cảm thấy bài giảng thật là kỳ diệu. Khi Tổ giảng đến chương Trí tuệ và đọc đến câu: "...những gì hiện hữu và không hiện hữu..." thì thân của Tổ bay lên lơ lửng trong không gian, trụ giữa đám mây, không còn thấy được. Tổ tiếp tục giảng chương 10 và chương cuối của "Nhập Bồ Tát Hạnh". Trong trạng thái vô hình mà người thường không thể thấy được đó, chỉ có những vị có trình độ chứng ngộ cao mới có thể nghe được hai chương cuối và thấy được Tổ trong đám mây...

Tôi nói tiếp, *quý vị cẩn thận nhé, nhiều khi thấy vậy mà không phải vậy, cho nên "thấy vậy mà không thấy vậy mới là thấy vậy" đó...Và mọi người đều cười vang.*

Sau khi thăm tu viện Dzongkar Choede, được thầy viện trưởng của tu viện cho xem những pháp khí cổ xưa quý báu của chùa, mọi người ai cũng hoan hỷ và cúng dường thật nhiều. Chưa kể là còn được tu viện hậu đãi một bữa ăn trưa rất ngon.

Trên đường đi trở về tu viện Sera Mey, trong khi tôi đang nhắm mắt trì chú thì các chị đằng sau lại kêu réo và nói anh kể chuyện nghe nữa đi. Tôi nói kể chuyện gì bây giờ, thì một chị hỏi là tại sao anh không chịu đi hành hương với phái đoàn, anh có tướng khuôn mặt rất lạ, hai lông mày phượng thật dài và cong vút, ai nhìn anh cũng phải sợ tướng mặt Quan Công của anh, nếu chịu đi với phái đoàn thì đỡ lắm vì kẻ gian trông thấy là sợ mà không dám đụng vào.

Tôi cười nói là, tôi cũng đã từng nghiên cứu về tướng học trước khi bỏ theo đạo Phật, bây giờ quý vị muốn nói về tướng mạo, thì cho phép tôi hỏi là quý vị có bao giờ nghe tướng "thập trọc nhất thanh" và "thập thanh nhất trọc" chưa? Một chị trả lời, hình như là cái tướng trước tốt hơn cái tướng sau.

Tôi cười nói, đúng rồi "thập trọc nhất thanh" là quý tướng, còn "thập thanh nhất trọc" là phá tướng. Mọi người hỏi tại sao vậy và tôi giải thích là vì "thập trọc nhất thanh" nghĩa là mười phần tướng xấu mà ở trong lại ẩn một quý tướng thì như đá ẩn ngọc quý, còn "thập thanh nhất trọc" là mười phần tướng tốt đẹp, lại phô bên trong một cái tướng rất xấu, cho nên gọi là phá tướng vì chỉ một tướng xấu mà phá đi mất tất cả cái tướng đẹp.

Và tôi kể chuyện là ngày xưa vua Càn Long thường hay trốn ra khỏi cung đình, cải trang để đi xem dân tình. Một hôm nhà vua cải trang thành dân thường đi ra ngoài thành, thấy một ông thầy bói ngồi xem tướng, mọi người bu lại đông đảo xin xem và khen hay. Vua cũng chen vào và chờ khi thầy bói rảnh một chút để hỏi là ông xem tướng tôi ra sao? Thầy tướng nhìn kỹ nhà vua xong nói rằng, tướng ông là tướng ăn mày. Nhà vua nghe xong phá lên cười ha hả và quay đi. Ông thầy tướng gọi giật lại và bảo, thưa ngài, tôi đã lầm, vì ban đầu xem tướng ngài thấy không có gì xuất sắc, nhưng khi ngài cười ha hả và quay đi thì tôi mới nhận ra, ngài có bộ hàm răng của rồng, long nha, cho nên đó là tướng "thập trọc nhất thanh" và tướng của ngài là tướng làm vua.

Mọi người nghe xong thích thú lắm, nói anh kể nữa nghe đi và hãy coi tướng cho chị em chúng tôi. Tôi cười, nói là đó là ngày xưa, tôi nghiên cứu tướng số, còn bây giờ, theo đạo Phật, đâu còn coi tướng làm gì? Đức Phật đã dạy: muốn biết đời trước ra sao thì hãy nhìn đời nay mình chịu quả gì, còn muốn biết đời sau ra sao, hãy nhìn mình đang tạo nhân gì đời nay. Vậy quý vị còn đòi coi làm chi? Thấy mọi người iu xiu, tôi tội nghiệp bèn nói thêm, thôi vậy tôi đỡ quý vị: tướng đàn bà kỳ nhất cái gì? Mọi người nhìn nhau, không ai trả lời được. Tôi mới thủng thảng nói, nữ nhân kỳ nhất là tướng "tỵ tước,

quyền cao, thanh thích nhĩ...". Thấy mọi người ngơ ngáo, tôi cười nói, ty tước nghĩa là mũi mỏng như sống dao, quyền cao nghĩa là lưỡng quyền nhô cao quá khổ, và thanh thích nhĩ nghĩa là tiếng nói cao the thé đâm vào lỗ tai. Đó là tướng đàn bà khắc chồng khắc con...đàn ông nào đụng vào thì tiêu cuộc đời. Mọi người nhao nhao hỏi, vậy chứ đi sửa mũi cho cao lên thì sao ? Tôi trả lời là, mắt mũi gò má miệng và các đường rãnh trên mặt như là sông núi, nguồn mạch, tất cả phải hoà hợp và thông suốt, nếu sửa và cắt đi thì chưa kể hình dạng bị thay đổi, phá các hòa hợp tự nhiên mà còn làm cho các nguồn mạch đó bị tắc nghẽn, và theo tướng số thì như vậy là phá tướng, ngay cả các sẹo khi bị thương tích cũng phá tướng của mình. Nói đến đây, tôi cũng phải nhắc nhở là thôi, các thầy thầy mắc mình làm gì mà ồn ào quá kìa.

(Trên xe buýt, vị trí của tôi là ngồi ở hàng ghế thứ hai, bên trong, cạnh cửa sổ. Còn Geshe Norbu thì ngồi ghế ngoài để dễ điều khiển phái đoàn. Do đó, mà khi các vị phụ nữ ngồi sau hỏi gì, tôi phải hơi nhồm lên để trả lời. Các thầy thấy chúng tôi ồn ào, nên cũng nhìn chúng tôi như là hỏi, chuyện gì mà vui vẻ thế kia).

Lúc đó, xe buýt đã gần về đến chùa và sau đó thì chúng tôi thủng thẳng chia tay nhau, đi về phòng. Hai vị geshe dặn dò mọi người là người trong phái đoàn là phải tập hợp lúc 9 giờ đêm để lên đường đi hành hương theo chương trình. Ngay đêm đó, phái đoàn sẽ đi về Bangalore để hôm sau đi Kalkutta. Còn tôi thì không còn đi chung với phái đoàn nữa, và sáng sớm hôm sau, ngày 16 tháng 2 cũng sẽ rời Sera Mey để theo thầy viện trưởng đi Bangalore, và từ đó lấy xe lửa để đi về New Delhi và sau đó đi về Dharamsala.

Tôi về phòng nghỉ ngơi sau một ngày thăm viếng, đi bộ mệt mỏi và sau đó thiền quán như thường lệ trước khi vào giấc ngủ êm đềm trong bầu không khí an lành của tự viện.

5. Ngày 16 tháng 2, 2008

Sáng sớm, 5 giờ, tôi đã thức dậy tắm rửa sạch sẽ và ngồi túc trực chờ thầy viện trưởng để khởi hành đi Bangalore. Sau khi làm vệ sinh cá nhân xong, trời vẫn còn tờ mờ sáng. Tôi đóng hết cả hành lý lại gọn gàng và ra ngồi trước bàn ăn lớn bên ngoài. Trong khi chờ đợi, tôi định pha ly cà phê uống, nhưng xem lại thì trong bình thủy chẳng còn tí nước nóng nào. Tôi đành lấy chút nước trái cây hộp ngồi nhâm nhi. Khoảng mười phút sau, một số các vị sư nhỏ tuổi, đệ tử của thầy viện trưởng đã tề tựu đến để tiễn đưa thầy đi. Tôi cũng nhân tiện hỏi chương trình đi về Dharamsala và những ai sẽ đi. Một vị thầy trẻ nói được chút đỉnh anh ngữ bảo tôi là chuyến xe lửa sẽ vào lúc 8 giờ tối mai 17 tháng 2, và sẽ đến New Delhi vào lúc 9 giờ sáng ngày 19

tháng 2. Như thế có nghĩa là cuộc hành trình trên xe lửa sẽ kéo dài 2 đêm, một ngày, tổng cộng khoảng 32 giờ ngồi trên xe lửa.

Tôi cần phải sửa soạn tinh thần, bởi vì chuyến đi về Dharamsala này có vẻ không dễ dàng lắm. Dù sao, tôi cũng đã quen với các điều kiện sinh sống và tiêu chuẩn của vùng Bắc Mỹ. Còn xe lửa ở Ấn độ này thì khác hẳn, bao gồm nhiều toa xe kéo với nhau. Mỗi toa chia làm nhiều phòng, thông với nhau qua một hành lang hẹp dùng để di chuyển. Tuy có máy lạnh, nhưng mỗi phòng có tổng cộng tới 8 giường ngủ, chia làm 6 giường xếp chồng thành 3 tầng và 2 giường ngủ còn lại xếp chồng thành hai tầng dọc theo hành lang. Dù là trên xe lửa tôi sẽ có giường ngủ, nhưng tôi sẽ phải chia chung một phòng với 7 người xa lạ khác, không biết họ là ai. Tôi chặc lưỡi tự bảo, cũng chẳng có gì đáng giá trong các hành lý của mình, bao gồm một cái va-li và một cái va-li xách tay¹³. Chỉ có thuốc cá nhân và tiền thì cần phải cẩn trọng, và tôi đã chuyển các thức tối cần thiết đó sang một cái túi ruột tượng đeo quanh lưng, vậy là yên chí để đi du hành.

Sáu giờ sáng, thầy viện trưởng đi ra ngoài và sửa soạn lên xe khởi hành. Vị phó viện trưởng tử hòa đã đến để chúc lên đường vui vẻ và tặng khăn trắng cho thầy cũng như cho tôi. Cũng như mọi lần, thầy phó viện trưởng ôm đầu tôi, vuốt má và đọc kinh ban sự an lành. Bao giờ bên thầy phó viện, tôi cũng cảm động rưng rưng trong lòng... Nhất là trong không khí của buổi từ giã này, mặc dù thầy phó viện cũng sẽ đi đến Dharamsala sau đó.

Chiếc xe đã chuyển bánh, buổi sáng gió thổi lạnh lạnh vào xe, tôi kéo cổ áo lên và thầm nguyện, xin giã từ Sera Mey lần thứ hai, xin nguyện cầu cho tương lai, con sẽ có dịp quay về và nhất là có đủ duyên để thành tăng sĩ, mau đạt giác ngộ để cứu độ mọi chúng sinh thoát khỏi khổ đau.

Thầy viện trưởng bắt đầu trì tụng, ngài vẫn có thói quen trì tụng khoảng nửa tiếng sau khi xe bắt đầu lăn bánh. Có lẽ là ngài gia hộ cho chuyến đi được an bình. Còn tôi, tôi cũng yên lặng hành trì, sáng nay dậy quá sớm, tôi không có đủ giờ để hành trì phần công phu sáng.

Khoảng một tiếng sau, thầy viện trưởng gọi tôi, con có thấy Ấn độ không? Tôi thưa vâng, nghèo quá thưa thầy. Xe chạy qua thị trấn lớn Mysore, mà nguyên cả khu phố chính trông thật tòi tàn khổ sở. Hai bên đường dân chúng đang xắn quần lên để đào mương. Cuộc sống nghèo khổ làm tôi mủi lòng và cầu nguyện cho họ. (Tôi nhớ đến hồi cách đây 10 năm, hãng của tôi gửi tôi về Việt nam công tác, khảo sát đường dây điện cao thế, tôi cố tình lấy chuyến xe lửa tốc hành từ Hà nội vào Sài gòn, cũng tương tự như chuyến xe lửa tôi sẽ phải lấy hôm nay, để tìm hiểu đời sống của dân chúng. Ngồi trên xe lửa rời Hà nội, tôi không ngăn được nước mắt vì nhớ lại cảnh khổ của

¹³ carry-on

người dân, nhất là khi nhớ lại tình cảnh của một em gái đi làm trong quán cà phê ca hát karaoke. Trông em cỡ khoảng 17, 18 tuổi, vừa bưng cà phê, vừa ôm con búp bê trong tay, mặt còn rất ngây thơ. Tôi hỏi, em thích búp bê lắm sao, quê ở đâu, sao không ở nhà đi học. Em nói thích búp bê lắm, quê ở Hà đông (cùng quê với mẹ tôi) và phải đi bưng cà phê vì cha mẹ buôn bán thua lỗ phá sản, không có tiền sinh sống ở quê, nên phải lên Hà nội bưng cà phê. Tôi hỏi thế em muốn đi học không. Em nói chỉ mơ ước có đủ tiền đi học ra nghề thợ may. Và còn bao nhiêu người và bao nhiêu chuyện như thế. Trên chuyến xe lửa về Sài gòn, tôi cứ ứa nước mắt thương cho những cảnh đời thật buồn bã vô vọng, và tôi ngồi trì chú sám hối 100 chủng tự Phật Kim Cang Tát Đỏa¹⁴, hồi hướng cho em cũng như tất cả những cảnh đời khốn khó ấy để họ được tiêu trừ nghiệp dĩ, mà có thể thoát ra để vươn lên...)

Còn ở đây, những cảnh làm tôi tủi lòng nhất không phải là những người ăn mày. Dĩ nhiên là cũng có những người ăn mày trông rất tội. Nhưng cảnh tủi lòng nhất là khi tôi nhìn thấy những phụ nữ Ấn độ, gầy như que củi, có lẽ là họ rất thiếu ăn và suy dinh dưỡng. Vậy mà họ phải làm quần quật trong các công trường xây cất, đầu đội những thúng đá hay những thúng cát thật to, mang đổ vào những chỗ trộn hồ hay vào các móng làm nền nhà. Với tôi, những người đó đáng thương và đáng quý, Họ không hề đi ăn xin, làm việc cực nhọc và nhẫn nhịn các khó khăn trong đời sống, không than vãn. Mà đặc biệt là họ vẫn mặc bộ quần áo quốc phục tha thướt Saree của Ấn độ, màu sắc sỡ, trong khi làm việc ở một môi trường xây cất nặng nhọc và bụi bặm bẩn thỉu như thế. "*Có cái gì tương phản mà thương xót*". Đôi khi tôi lặng nhìn họ làm việc cực khổ như vậy rất lâu. Mà lạ một điều, phụ nữ làm khuôn vác như vậy rất nhiều trong các công trường, thế mà công việc loại đó lại thấy hiếm đàn ông đụng vào. Nhiều khi tôi không hiểu cái văn hóa của họ như thế nào và họ nghĩ gì. Một lần, tôi đánh bạo đến gần một người phụ nữ khuôn vác đó, và cho họ ít tiền rupee, nhưng họ chỉ nhìn tôi trân trối và không chịu lấy...

Phải nói thực tình là đi nhiều cũng học được rất nhiều điều, nhất là mở mắt to ra để thấy những mảnh đời xót xa...Tôi quý hình ảnh những người đó, làm việc rất cực nhọc, nhưng không đi ăn xin, viết đến đây nước mắt tôi vẫn còn chực muốn trào ra... Tôi làm gì được cho họ ? Có chăng chỉ còn những lời cầu nguyện chân thành hồi hướng đến họ.

Mà nói đến ăn xin, tôi nhận xét thấy một điều thật tương phản giữa người Ấn độ và người Tây tạng. *Đó là, người Ấn độ đi ăn xin rất nhiều.* Nhan nhản trên đường phố Ấn độ. Người Ấn độ ăn mày còn vào cả trong các tu viện đi ăn xin các du khách và chư tăng, nhất là trong những dịp lễ lạc lớn khi có nhiều người ngoại quốc về tham dự. Và họ níu kéo cả tay áo của du khách, làm phiền cho đến khi xin được tiền mới thôi. Ngược lại, trong suốt những lần đi

¹⁴ Vajrasattva.

về các tu viện và các trại tỵ nạn của người Tây tạng, cũng như trong suốt thời gian ở tại Dharamsala, *tôi chưa hề thấy một người Tây tạng nào đi ăn xin*. Có những người Tây tạng rất nghèo khó, làm việc cực nhọc kinh khủng để kiếm sống, nhưng họ không đi ăn xin, không ăn cắp, và họ rất vui vẻ, hiếu khách và dễ dàng chia sẻ vật dụng thức ăn cho người khác. Điều này cũng làm cho tôi phải sinh lòng kính trọng nền văn hóa đặc biệt ấy. Đến đây, tôi lại bồi hồi nhớ đến lần công tác ở Việt nam, khi đó tôi vào thăm Huế, chợ Đông Ba, dân chúng cũng có cái giống như người Tây tạng, rất giữ nề nếp, đi bán chè cũng mặc áo dài, nhưng chân đi đất vì nghèo, và cũng giữ cái liêm chính không ăn cắp vặt. Tôi nghĩ, người Huế giữ được cái truyền thống của mình, làm cho du khách đến thăm phải sinh lòng kính trọng...

Sau năm tiếng đi xe, chúng tôi tới Bangalore, thầy viện trưởng đưa tôi vào khách sạn quen, trong đó đã có thấy nhiều vị tăng quen biết đang ở. Tôi còn được hơn một ngày để đi dạo chơi thành phố Bangalore. Khác với lần thầy viện trưởng dẫn tôi đi Bangalore năm 2002, hồi đó, ngài dẫn tôi đi thăm thú nhiều nơi. Bây giờ, ngài đã già hơn, và chỉ dặn tôi là thích đi chơi đâu thì cứ đi, còn thầy chỉ ở trong phòng của khách sạn thôi.

Tôi cũng đâu có thích thú đi chơi gì lắm. Đầu tiên là về phòng tắm rửa sau chuyến đi dài 5 tiếng mệt mỏi. Sau đó, tôi cần một thời thiền định để an tâm, rồi mới đi đâu thì hãy tính sau. Tôi kính chào thầy và đi về phòng mình.

Trong thời thiền quán, không biết tại sao lòng tôi cứ xúc động liên miên và trào nước mắt. Phải chăng là vì những ưu tư lo lắng của thầy viện trưởng khi ngài kể lại cho tôi nghe những khó khăn hiện giờ tu viện phải đương đầu, mà chính yếu là vấn đề chủ nghĩa đồng hóa và đàn áp cũng như xâm phạm chủ quyền của Trung quốc đối với người Tây tạng... Những lo lắng đương đầu với các vấn đề chính trị và ảnh hưởng của Trung quốc đối với chính phủ Ấn độ, làm cho chính phủ lưu vong của Tây tạng càng ngày càng gặp khó khăn trong chính sách đối ngoại cũng như đối với đồng bào tỵ nạn. Hay là vì tôi thấy thầy đã già đi, không còn như năm 2002, khỏe mạnh và dẫn tôi đi thăm mọi nơi... Những kỷ niệm quá khứ trở về, mà ngày hôm nay, tất cả như là giấc mộng.

Sau thời thiền quán, tôi ngủ một giấc chưa kịp thức dậy, thì có tiếng gõ cửa. Hai vị tăng thị giả của thầy viện trưởng rủ tôi đi ăn cơm trưa trễ và nhân tiện mua chút gì về cho thầy. Chúng tôi ăn nhanh nhanh để mang thức ăn về phòng cho thầy, và tôi ngồi bên thầy suốt buổi ăn trưa thật trễ đó. Nghe thầy kể chuyện điều hành của tu viện, những khó khăn hiện tại của thầy cũng như của đức Đạt Lai Lạt Ma đối với tình hình Tây tạng và với nhóm tu tập pháp môn Shugden Dorje... Khi thầy ăn xong và nằm nghỉ, tôi xin phép thầy ra ngoài đi dạo một vòng, nhân tiện gửi vài lá điện thư thăm hỏi và kể chuyện cho bạn bè về chuyến đi của mình.

Trên đường về phòng, tôi ghé qua một tiệm trái cây bên lề đường, mua một ký quýt lớn, tôi biết thứ quýt lớn, tươi và ngọt này, thầy viện trưởng rất thích, định bụng để cúng dường ngài sau thời nghỉ ngơi. Lần trước năm 2002, tôi cũng rất thường mua quýt này cúng dường thầy dùng sau thời gian nghỉ trưa.

6. Ngày 17 tháng 2, 2008

Sáng sớm thiên tọa hành trì khá yên ổn và an bình. Thành phố Bangalore bắt đầu hoạt động náo nhiệt kể từ 7 giờ sáng. Một ngày trong thành phố lớn bắt đầu bằng lễ cúng dường của đền thờ Ấn độ giáo không xa nơi khách sạn của chúng tôi lắm. Người Ấn độ hành lễ cúng dường vào mỗi sáng rất sớm, và họ cũng gọi những buổi lễ ấy là lễ cúng dường, Ấn ngữ gọi là " puja ", sau đó thì họ đi làm, và thành phố bắt đầu tấp nập, ồn ào. (Nếu vào giờ sáng sớm đi làm ấy, bạn ra đường thì thấy nơi hai chân mày giao nhau, giữa trán mỗi người đều có một chấm bằng phấn màu đỏ. Đó là vệt phấn ban phép lành hộ trì¹⁵. Chấm ban phép lành này khác với chấm son màu đỏ của các bà Ấn độ, tượng trưng cho một đóa hoa đã có chủ, nghĩa là phụ nữ đã có chồng).

Đền thờ Ấn độ giáo cầu nguyện rất âm ỹ, vì họ bắc loa phát những lời cầu nguyện đó ra các góc đường sáng sớm, làm buổi thiên tọa của tôi phải chấm dứt để chuyển sang tụng chú.

Buổi sáng hôm nay, thầy viện trưởng dẫn chúng tôi đi ăn sáng rất trễ. Thầy có ý muốn dẫn tôi vào một tiệm ăn Ấn khá ngon, chuyên làm ăn sáng với các món thuần túy của Ấn độ như là món bánh kẹp "dosa", giống như món bánh kẹp "pancake" thật mỏng, bên trong bỏ nhân bằng khoai tây nghiền và chứa rất nhiều gia vị Ấn độ. Tuy bánh khá ngon mà tôi không dám ăn nhiều vì bánh quá nhiều dầu và bụng không quen với các món gia vị Ấn độ. Thầy dùng món điểm tâm "itry", giống như món bánh bò, chấm vào các đĩa sốt cà chua, hoặc dưa giã nhuyễn, tất cả các sốt ấy lại cũng đầy gia vị. Lần đầu tiên, nghe thầy dạy là món "itry", mà với giọng đọc Ấn độ quá nhanh, tôi cứ ngỡ món ấy tên là "italy", và cứ gọi tên như thế làm thầy cười quá.

Vì ăn sáng quá trễ, nên sau khi về phòng, chúng tôi đi ăn trưa cũng rất trễ và mua thức ăn mang về phòng cho thầy. Thầy bảo là tối nay chúng ta sẽ đi ra trạm xe lửa lúc 7 giờ để lấy chuyển tàu đi New Delhi lúc 8 giờ 15.

Tối hôm đó, khi lên được xe lửa tôi mới biết là vì mua vé khó khăn nên giường của của tôi và của thầy viện trưởng ở hai toa xe khác nhau, như vậy là tôi sẽ phải ngồi riêng một mình trên một toa xe khác, cạnh toa xe của thầy. Khi vắc được va-li để dưới gầm giường và ngồi trên giường, tôi nhìn lại

¹⁵ Blessings.

toa xe để định vị trí của xe lửa Ấn độ, mà đây là lần đầu tiên tôi bước lên. Cũng chẳng khác gì xe lửa Việt nam lắm. Giường của tôi ở tầng giữa cho nên muốn ngồi thì phải khom lưng. Nhưng thường thì giường tầng giữa chỉ được hạ xuống khi đi ngủ, còn những lúc ban ngày thì treo lên để tất cả các hành khách có thể ngồi thẳng lưng cho thoải mái. Vì chuyến xe này là chuyến tốc hành cho nên thời gian đi từ Bangalore đến New Delhi chỉ mất 32 tiếng, các chuyến xe bình thường phải mất 40 tiếng mới đến nơi.

Lên xe lửa ngồi một lúc thì các hành khách chia chung phòng với tôi bắt đầu lên xe. Hai tầng giường trên cùng là hai cô thiếu nữ Ấn năm. Hai tầng dưới cùng là hai vợ chồng Ấn trung niên. Đối diện với tầng của tôi là một thanh niên Ấn có vẻ là sinh viên, mang bài sách vở ra học trên xe lửa. Còn hai giường kia dọc hành lang thì có một thanh niên Ấn năm, giường trên cùng thì bỏ trống. Tôi bỡ ngỡ khi nhìn thấy hai vợ chồng trung niên Ấn lấy ổ khóa ra và khoá các hành lý của họ vào giây xích của xe lửa đã có sẵn để dùng vào việc bảo vệ an toàn chống mất cắp. Tất cả đều thật lạ lùng mới mẻ với tôi, và tôi mở to mắt ra quan sát mọi sự chung quanh mình.

Xe lửa chuyển bánh không được bao lâu thì nhân viên cho ăn tối. Chuyến tốc hành này cũng khá tốt vì bao gồm cả các bữa ăn. Tuy các phần ăn mỗi bữa không nhiều, nhưng đủ để cho no lòng cho người ăn quen đồ ăn Ấn. Các món ăn hoàn toàn thuần túy Ấn độ, nghĩa là ăn chay, và thật nhiều gia vị. Do đó, tôi chỉ dám ăn khoảng một phần ba của phần ăn, còn lại thì đành phải bỏ thôi, vì không muốn đau bụng và rắc rối nếu lỡ mang bệnh.

Sau bữa ăn tối, mọi người chia chung phòng chuyện trò trao đổi thoải mái, không khí vui như trong một gia đình. Còn tôi thì không nói gì cả, vì không biết tiếng Ấn, và ngồi nhắm mắt dưỡng thần. Đang nhắm mắt thiền định thì thày viện trưởng ghé qua xem tình hình của tôi ra sao, ngài hơi quan tâm đến tôi vì biết đây là lần đầu tiên tôi đi xe lửa Ấn độ. Tôi chấp tay kính lễ thày và thưa là mọi chuyện tốt đẹp, và đưa thày về chỗ của ngài để nghỉ ngơi.

Sau đó, hai vợ chồng Ấn đi ngủ, và tôi cũng đi làm vệ sinh, rồi hành trì trong tư thế nằm trước khi vào giấc ngủ qua hôm sau.

7. Ngày 18 tháng 2, 2008

Sáng sớm tinh mơ tôi đã thức giậy đánh răng rửa mặt sạch sẽ và hành trì. Dù sao, tôi cũng không thể ngủ được vì đêm qua, anh chàng thanh niên đối diện tầng giường của tôi ngáy to quá, cộng thêm hai vợ chồng Ấn ở tầng dưới và anh chàng ở giường bên hành lang cũng ngáy làm thành bản hòa tấu suốt đêm dài. Tôi cố gắng cả đêm trì chú nên khi mệt quá cũng thiếp đi vài tiếng. Hình như là tôi có nghiệp thu hút tiếng ngáy. (Lần tôi về chùa Trúc Lâm của thày Thanh Từ tu tập năm 1998, nhân chuyến đi công tác tại Việt

nam, tôi cũng bị tình trạng như thế, bên cạnh giường của tôi là phái đoàn nha sĩ từ Sài Gòn về chữa răng cho chư tăng, có một vị nam nha sĩ mập mập to lớn và ngáy rất là to, làm tôi phải xin đổi phòng xuống nhà bếp ngủ mới được yên).

Nguyên ngày hôm nay trên xe lửa có biết làm gì đâu ! Trừ những lúc nhân viên phát phần ăn cho các bữa ăn, tôi thường hay ngồi khoanh chân thiền định, cho nên trong ngày mấy lần thày viện trưởng ghé qua chỉ thấy tôi nhắm mắt xếp bằng . Còn các vị hành khách Ấn độ kia thì chuyện trò vui vẻ (sau này thày kể lại với tôi là ghé qua thăm, thì chỉ thấy như thế). Người Ấn độ di chuyển rất nhiều bằng xe lửa, và họ có một thói quen khá hay, là khi chia chung phòng, họ làm thân với nhau và coi nhau như người trong một gia đình, truyện trò đùa giỡn cho qua hai ngày dài trên xe lửa.

Sau này, khi không khí quen thuộc với nhau, vào những bữa cơm, các vị Ấn độ chung phòng đó hỏi tôi đi về Ấn làm gì, tại sao không chịu ăn gì cả, và họ cũng bắt đầu dạy tôi vài ba chữ tiếng Ấn, vâng dạ, không, có v.v... Họ còn hỏi tôi theo đạo gì mà cả ngày ngồi nhắm mắt hoặc tụng lẩm bẩm trong miệng. Tối hôm sau đó, tôi ngủ được yên ổn vì anh chàng thanh niên ở giường đối diện ôm cả chồng sách qua học với bạn và ngủ luôn ở bên kia. Tôi ngủ được và thấy khoẻ khoắn hơn nhiều.

(còn tiếp phần 3: Tu học tại Dharamsala)

Không Quán
20 march 2008.